

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân. Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐHPT- HNGĐ ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị D; Sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn B; Sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3 xã Q, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai Nguyên đơn là chị Quách Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh Phạm Văn B tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2007 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được thời gian ngắn. Tháng 5/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng hay uống rượu, đánh bạc, hay trộm cắp và đánh đập vợ. Tình trạng kéo dài đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân. Chồng tôi bỏ đi nơi khác sinh sống và không quan tâm đến 3 mẹ con tôi. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ

cuối năm 2016 đến nay. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Diễm Q, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Phạm Tú T, sinh ngày 28/5/2010. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị D.

Nguyện vọng của chị D là yêu cầu nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản: Ngày 23/6/2022 chị D có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu về phần T sản. Ngày 15/7/2022 chị D có Đơn xin rút yêu cầu về phần T sản. T sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Văn B vắng mặt và tại bản tự khai ngày 24/6/2022 anh B trình bày:

Về hôn nhân: Anh B và chị D kết hôn do tự nguyện tìm hiểu. Kết hôn và tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2007 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh T. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Năm 2014 vợ chồng vào Nam đi làm ăn. Năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị D yêu cầu ly hôn thì tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Diễm Q, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Phạm Tú T, sinh ngày 28/5/2010. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị D.

Nguyện vọng của anh B để chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phạm Thị Diễm Q còn cháu Phạm Tú T để anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về T sản: Vợ chồng có T sản chung là thửa đất số 161B, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Xóm 3 xã Q, huyện T, tỉnh T; Diện tích 297 m² đất ở. Tôi có nguyện vọng để cho con trai là Phạm Tú T.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2022 của con chung là cháu Phạm Thị Diễm Q trình bày: Con tên là Phạm Thị Diễm Q, hiện đã học hết lớp 8 trường THCS P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nguyện vọng của con là nếu bố mẹ ly hôn thì con xin theo mẹ bởi vì mẹ có thể nuôi con còn bố hay uống rượu say sấn và không thể nuôi được con.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2022 của cháu Phạm Tú T trình bày: Tôi tên là Phạm Tú T, hiện đang học trường THCS P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nguyện

vọng của cháu là nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ vì mẹ có đủ điều kiện để chăm sóc cho cháu.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56, điều 57, điều 71, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quách Thị D đối với bị đơn anh Phạm Văn B; Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Phạm Thị Diễm Q, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Phạm Tú T, sinh ngày 28/5/2010 cho chị Quách Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia T sản chung. Các đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Quách Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn là anh Phạm Văn B có địa chỉ: Xóm 3 xã Q, huyện T, tỉnh T nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Văn B đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ nơi cư trú. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn B và tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh B. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 và vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Thị D và anh Phạm Văn B là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống trong khoảng thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D yêu cầu ly hôn và anh B cũng đồng ý ly hôn nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Diễm Q, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Phạm Tú T, sinh ngày 28/5/2010.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị D thì HĐXX thấy rằng: Qua xác minh tại địa phương thì hiện tại anh B bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ; HĐXX xét thấy anh B đi làm ăn xa, không cư trú tại địa phương, không rõ địa chỉ nên không thể giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục như nguyện vọng của anh B được. Hiện tại chị D đã đón cả 02 con chung về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và sinh sống tại thôn T xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay cả hai cháu Phạm Thị Diễm Q và Phạm Tú T đều đang theo học tại trường THCS P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tại bản tự khai của cháu Q và cháu T đều trình bày nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và học tập. Mặt khác chị D hiện tại có công việc ổn định, thu nhập bình quân từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ mỗi tháng nên đủ điều kiện nuôi con chung. HĐXX căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về T sản chung của vợ chồng: Chị D rút yêu cầu về phần T sản trước khi hòa giải, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX căn cứ điểm c khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về phần T sản của Nguyên đơn. HĐXX không xem xét về phần T sản chung của vợ chồng.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định tại điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227; Điểm c khoản 1 điều 217; Khoản 4 điều 147; Điều 271; Khoản 1 điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 56, điều 57; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Xét xử vắng mặt Bị đơn là anh Phạm Văn B.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Quách Thị D và anh Phạm Văn B.

Về con chung: Giao cho chị Quách Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Phạm Thị Diễm Q, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Phạm Tú T, sinh ngày 28/5/2010. Anh Phạm Văn B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn B được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về T sản: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về phần T sản của Nguyên đơn.

Về án phí: Buộc chị Quách Thị D phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0014209 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Trả lại cho chị Quách Thị D số tiền 13.550.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0014303 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Về quyền kháng cáo: Chị Quách Thị D được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn B được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện T
- VKSND tỉnh T
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh T
- Các DS
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh T
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng